

Bản án số: 149/2019/HSST
Ngày 19/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đ Thục

Ông Nguyễn Hữu Hãn

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện QV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2019/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Vũ V D, sinh năm 1997; HKTT: Thôn Huyện, xã Tiến D, huyện Yên D, tỉnh BG; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Vũ V Đ (đã chết) và con bà Trịnh Thị M, sinh năm 1967; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Tại bản án số 31/2018/HSST ngày 22/5/2018, Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh BG xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2019.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 29/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG xử 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BG theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG. Có mặt tại phiên tòa.

2. Dương V Đ, sinh năm 1995; HKTT: Thôn Quảng Mô, xã Phi Mô, huyện LG, tỉnh BG; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Dương V X, sinh năm 1972 và con bà Trịnh Thị H, sinh năm 1972; Gia đình có hai chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án:

+ Tại bản án số 58/2015/HSST ngày 22/9/2015, Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh BG xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 22/01/2017.

+ Tại bản án số 14/2018/HSST ngày 29/3/2018, Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh BG xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2019.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 29/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG xử 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BG theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1995; HKTT: Thôn BV, xã CT, huyện Yên D, tỉnh BG; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn V S, sinh năm 1971 và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Có vợ là Phạm Thị Th, sinh năm 1999 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2016

- Tiền án: Tại bản án số 52/2017/HSST ngày 30/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên D, tỉnh BG xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/9/2018.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 29/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BG theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Anh Phạm Đình C, sinh năm 1985 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn LĐ, xã QT, huyện QV, tỉnh BN

2. Anh Ngô Xuân T, sinh năm 1980 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn DY, xã TD, huyện LG, tỉnh BG.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Quách V B, sinh năm 1991 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đại Phú 1, xã Phi Mô, huyện LG, tỉnh BG.

2. Ông Trịnh Quang V, sinh năm 1962 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn SK 2, xã SK, thành phố BG, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ V D – sinh năm 1997, HKTT: Thôn Huyện, xã Tiến D, huyện Yên D, tỉnh BG; Dương V Đ – sinh năm 1995, HKTT: Thôn Quảng Mô, xã Phi Mô, huyện LG, tỉnh BG và Nguyễn Ngọc B – sinh năm 1995, HKTT: Thôn BV, xã CT, huyện Yên D, tỉnh BG là bạn quen biết với nhau từ trước. Trong hai ngày 01/6/2019 và

08/6/2019, D đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện QV cùng với Đ và B. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Buổi sáng ngày 01/6/2019, Dương V Đ đi xe mô tô Wave màu xanh, không có biển kiểm soát của Đ đến nhà D chơi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày D rủ Đ đi sang huyện QV để trộm cắp tài sản, Đ đồng ý. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô của Đ chở D ngồi phía sau đi qua cầu mới Yên D sang địa phận huyện QV, khi đi D mang theo một vạm phá khóa hình chữ T. D và Đ điều khiển xe mô tô đi dọc bờ đê sông cầu. Khi đi đến địa phận thôn LĐ, xã QT, huyện QV, Đ và D nhìn thấy một xe mô tô Honda Wave màu xám đen bạc, biển kiểm soát 99E1-254.15 của anh Phạm Đình C – sinh năm 1985 ở thôn LĐ, xã QT, huyện QV đang dựng trên đê. Quan sát xung quanh không thấy có người trông giữ, D B Đ dừng xe lại, D tiến lại gần chiếc xe trên, dùng vạm phá khóa chọc vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ thấy đèn sáng. D nổ máy xe và đi về phía cầu mới Yên D, Đ đi xe theo sau rồi cả hai cùng về BG. Khi đi đến thành phố BG, D tháo biển kiểm soát xe mô tô vừa trộm cắp được vớt xuống sông Thương rồi đi về phòng trọ của D tại thành phố BG. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D và Đ đi xe trộm cắp được lên quán cầm đồ Hiếu Anh ở Phố Vôi, thị trấn Vôi, huyện LG, tỉnh BG của anh Quách V B – sinh năm 1991 ở thôn Đại Phú 1, xã Phi Mô, huyện LG, tỉnh BG vay 5.000.000 đồng, anh B đồng ý và đưa tiền cho D. D cầm tiền và để lại chiếc xe trộm cắp được ở quán cầm đồ của anh B để làm tin. Số tiền trên D và Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 16/6/2019 anh Phạm Đình C có đơn trình báo về việc bị mất chiếc xe máy Honda Wave màu xám đen bạc, biển kiểm soát 99E1-254.15 gửi Công an xã QT, huyện QV, tỉnh BN.

Ngày 14/7/2019, anh Quách V B đã giao nộp cho Công an huyện QV 01 xe mô tô Honda Wave màu xám đen bạc, số khung 1216DY627816, số máy HC12E5627836 đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-ĐGTS ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện QV kết luận:

“Giá trị chiếc xe mô tô Honda Wave màu xám đen bạc sau khi đã trừ khấu hao tài sản được xác định giá trị còn lại tại thời điểm định giá tháng 6/2019 là 11.417.280đ”.

Ngày 10/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện QV đã trả lại anh Phạm Đình C 01 xe mô tô Honda Wave màu xám đen bạc, số khung 1216DY627816, số máy HC 12E5627836 sở hữu, sử dụng. Đối với 01 biển kiểm soát 99E1-254.15 không thu hồi được, anh C không yêu cầu bồi thường.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng anh B cho D và Đ vay, anh B không yêu cầu D và Đ phải trả lại.

Vụ thứ hai:

Khoảng 15 giờ ngày 08/6/2019, D rủ B sang huyện QV để trộm cắp tài sản, B đồng ý. D điều khiển xe mô tô Honda Wave của D chở B đi qua cầu mới Yên D sang huyện QV rồi đi thẳng Quốc lộ 17. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn Lạc Xá, xã QT, huyện QV thì thấy 01 xe mô tô Honda Dream màu tím biển kiểm soát 98H7-1107 của anh Ngô Xuân T đang dựng ở lề đường, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Quan sát

xung quanh không thấy có người trông giữ, D dừng xe lại, B xuống xe đi bộ tiến lại gần chiếc xe trên, mở khóa xe nổ máy đi về phía cầu mới Yên D và đi về nhà D, còn D đi xe của D theo sau. Khi về đến nhà D thấy không có ai ở nhà, B và D tháo biển kiểm soát và yếm xe của chiếc xe vừa trộm cắp được, sau đó cả hai đi xe lên phòng trọ của D ở thành phố BG. Khi đi qua sông Thương, D và B rút biển kiểm soát và yếm xe xuống sông Thương. Đến buổi trưa ngày 09/6/2019, B và D đi xe mô tô trộm cắp được xuống cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Trịnh Quang Sơn – sinh năm 1988 ở thôn SK 2, xã SK, thành phố BG để sửa xe. Tại đây, D đã vay của ông Trịnh Quang V (là bố đẻ của anh Sơn) số tiền 1.500.000 đồng và để lại chiếc xe làm tin, ông V đồng ý và đưa cho D 1.500.000 đồng. D cầm tiền và cùng B chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 12/6/2019, Công an thành phố BG tiến hành khám xét tại nhà anh Trịnh Quang Sơn thu giữ 01 xe mô tô Honda Dream màu tím, không có biển kiểm soát, không có yếm, số khung 0064183, số máy 0064183.

Ngày 13/6/2019, anh Ngô Xuân T có đơn trình báo gửi Công an xã QT, huyện QV, tỉnh BN về việc bị mất chiếc xe mô tô Honda Dream màu tím biển kiểm soát 98H7-1107.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-ĐGTS ngày 14/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện QV kết luận:

“Đối với 01 xe máy Dream màu tím BKS 98H7 – 1107, giá trị của chiếc xe được xác định tại thời điểm trên thị T tháng 6/2019 là 5.000.000đ.”

Ngày 10/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện QV đã trả lại anh T chiếc xe mô tô Honda Dream màu tím số khung 0064183, số máy 0064183 sở hữu, sử dụng.

Đối với 01 yếm xe và 01 biển kiểm soát của xe không thu hồi được, anh T không có yêu cầu bồi thường.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng ông V cho D vay, ông V yêu cầu D phải trả lại ông V số tiền trên.

Quá trình điều tra các bị cáo Vũ V D, Dương V Đ và Nguyễn Ngọc B đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Ngày 11/6/2019, Vũ V D bị bắt quả tang về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố BG, tỉnh BG. Quá trình điều tra, D và đồng bọn khai nhận hành vi phạm tội và khai nhận các vụ trộm cắp trên địa bàn huyện QV, tỉnh BN.

Ngày 20/6/2019, Công an thành phố BG có Công V gửi đến Công an huyện QV về việc D, Đ, B còn thực hiện 02 hành vi trộm cắp trên địa bàn huyện QV, tỉnh BN. Ngày 13/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố BG bàn giao vật chứng của vụ án để Công an huyện QV điều tra, xử lý gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Dream, màu tím, BKS 98H7 – 1107 có số khung 0064183, số máy 0064183.

Tại cơ quan điều tra, Vũ V D, Dương V Đ và Nguyễn Ngọc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 144/Ctr -VKSQV ngày 31/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QV truy tố Vũ V D và Nguyễn Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Dương V Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV phân tích lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với toàn

bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Vũ V D, Dương V Đ và Nguyễn Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h, (thêm điểm g đối với D) khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Vũ V D từ 18 đến 24 tháng tù.

Nguyễn Ngọc B từ 12 đến 18 tháng tù

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Dương V Đ từ 24 đến 30 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 466 Bộ luật dân sự.

Buộc Vũ V D phải hoàn trả cho ông Trịnh Quang V 1.500.000đ.

Vật chứng vụ án: Đã được xử lý tại bản án số 163/2019/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG.

Án phí: Bị cáo Dương V Đ, Vũ V D, Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ V D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo nhận tội không tham gia tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Dương V Đ, Vũ V D và Nguyễn Ngọc B đều khai nhận do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã bàn bạc với nhau cùng nhau đi trộm cắp xe mô tô. Trong hai ngày 01/6/2019 và 08/6/2019, Vũ V D đã thực hiện 02 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện QV cùng với Dương V Đ và Nguyễn Ngọc B. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 01/6/2019, tại đê sông Cầu thuộc thôn LĐ, xã QT, huyện QV, tỉnh BN, Vũ V D và Dương V Đ đã cùng nhau trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave màu xám đen bạc BKS 99E1-254.15 trị giá 11.417.280 đồng của anh Phạm Đình C. Tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị hại.

Vụ thứ hai: Ngày 01/6/2019, tại đường Quốc lộ 17 thuộc thôn Lạc Xá, xã QT, huyện QV, tỉnh BN, Vũ V D và Nguyễn Ngọc B đã cùng nhau trộm cắp 01 xe mô tô Honda Dream màu tím biển kiểm soát 98H7-1107 trị giá 5.000.000 đồng của anh Ngô Xuân T. Tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị hại.

Tổng giá trị tài sản D trộm cắp là 16.417.280 đồng.

Tổng giá trị tài sản Đ trộm cắp là 11.417.280 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà B trộm cắp là 5.000.000 đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tang vật thu giữ được cùng các chứng cứ, tài liệu khác. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận Vũ V D, Dương V Đ và Nguyễn Ngọc B phạm tội Trộm cắp tài sản theo Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật B vệ. Lợi dụng sơ hở của người bị hại, các bị cáo D và Đ lén lút chiếm đoạt tài sản của anh C; bị cáo D và B đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh T. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện nhiều hành vi trộm cắp trong khoảng thời gian ngắn, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân trên địa bàn. Do vậy, cần thiết phải xét xử các bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Mặc dù D, Đ, B có sự rủ rờ nhau thực hiện tội phạm, có chuẩn bị công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, HĐXX nhận định giữa ba bị cáo chưa có sự câu kết chặt chẽ với nhau, chưa có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể trong quá trình thực hiện tội phạm nên đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không thuộc T hợp phạm tội “có tổ chức”.

Bị cáo D là người khởi xướng và rủ bị cáo Đ và B sang huyện QV với mục đích trộm cắp tài sản. Bị cáo đã thực hiện cả hai vụ trộm cắp, trong đó thực hiện với Đ một vụ và một vụ thực hiện với B nên D có vai trò chính trong vụ án.

Vụ án thứ nhất, D là người trực tiếp dùng vạm phá khóa để trộm cắp chiếc xe Honda Wave màu xám của anh Phạm Đình C. Đ là người cảnh giới, tích cực phối hợp và được hưởng lợi ngang với D.

Vụ án thứ hai, D và B có vai trò ngang nhau, D là người rủ B đi trộm cắp, nhưng khi phát hiện chiếc xe Dream BKS 98H7 -1107 thì B là người trực tiếp lấy xe và điều khiển xe về nhà trọ của D ở thành phố BG. Số tiền gửi giữ chiếc xe làm tin có được cả hai đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của D, Đ, B thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo Dương V Đ có 02 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Vũ V D có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Nguyễn Ngọc B có 01 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Các bị cáo đều được pháp luật giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, nhìn nhận ra những sai lầm và sửa chữa thành người công dân tốt. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù của các bản án trước, các bị cáo lại lao ngay vào việc phạm tội mới, chứng tỏ các bị cáo là người khó giáo dục và cải tạo. Trong vụ án này, đối với bị cáo Dương V Đ đã có 02 tiền án nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo Vũ V D có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” và “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Ngọc B có 01 tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài việc phạm tội trên địa bàn huyện QV, các bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội ở địa bàn thành phố BG và đã bị Tòa án nhân dân thành

phố BG đưa các bị cáo ra xét xử vào ngày 29/10/2019. Do vậy cần đánh giá D, Đ và B là người có ý thức coi thường pháp luật, liêu lĩnh, khó giáo dục, cải tạo nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo.

Song xét thấy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Tại cơ quan điều tra Công an thành phố BG, các bị cáo đã tự khai ra hành vi phạm tội của mình trên địa bàn huyện QV nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Do hình phạt của bản án số 163/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BG chưa có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ tuyên phạt các bị cáo đối với hành vi phạm tội trong vụ án này mà không tổng hợp hình phạt với bản án số 163/2019 ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính điều luật còn quy định có thể áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo, xét thấy bị cáo D, Đ, B không có nghề nghiệp và thu nhập. Vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Trách nhiệm dân sự: Đối với 01 biển kiểm soát 99E1-254.15 của anh C và 01 yếm xe, 01 biển kiểm soát 98H7 - 1107 của anh T không thu hồi được. Anh C không yêu cầu D và Đ bồi thường, anh T không yêu cầu D và B bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền 1.500.000đ ông V cho D vay, ông V yêu cầu D phải hoàn trả ông số tiền này. D nhất trí và không yêu cầu B phải có trách nhiệm cùng nên cần buộc Vũ V D phải trả cho ông Trịnh Quang V 1.500.000đ.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng anh B cho D và Đ vay, anh B không yêu cầu D và Đ phải trả lại nên không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc vạm phá khóa hình chữ L, D sử dụng để trộm cắp tài sản đã được xử lý tại bản án số 163/2019/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BG nên không xem xét và giải quyết trong vụ án này.

Đối với anh Quách V B không biết chiếc xe mô tô Honda Wave màu xám đen bạc BKS 99E1-254.15 D để lại vay tiền của B là tài sản do phạm tội mà có, Cơ quan CSĐT Công an huyện QV không xử lý mà chỉ nhắc nhở đối với anh B là phù hợp.

Đối với anh Trịnh Quang Sơn và ông Trịnh Quang V không biết chiếc xe mô tô Honda Dream màu tím biển kiểm soát 98H7-1107 D để lại vay tiền là do phạm tội mà có. Cơ quan CSĐT Công an huyện QV không xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô Wave màu xanh của Đ sử dụng để đi trộm cắp ngày 01/6/2019 cùng với D, Đ khai mua của một người không quen biết, sau khi trộm cắp được tài sản, D và Đ đã bán chiếc xe trên cho một người phụ nữ không quen biết, đến nay không thu hồi được.

Đối với chiếc xe mô tô Wave của D sử dụng để đi trộm cắp ngày 08/6/2019 cùng với B, là xe của D mua của một người không quen biết. Sau khi D bị Công an

thành phố BG bắt giữ, B đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết, đến nay không thu hồi được. D không có yêu cầu bồi thường gì.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vũ V D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ V D, Dương V Đ và Nguyễn Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h, (thêm điểm g đối với D) khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vũ V D 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành quyết định thi hành án.

Nguyễn Ngọc B 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành quyết định thi hành án.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Dương V Đ 26 (Hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành quyết định thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 466 Bộ luật dân sự.

Buộc Vũ V D phải hoàn trả ông Trịnh Quang V 1.500.000đ.

- **Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Vũ V D, Dương V Đ và Nguyễn Ngọc B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ V D phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án.

- Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho tới khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh BN;
- VKS, CA, THADS huyện QV;
- Sở Tư pháp B Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, V phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Liên